

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-6-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thúy A, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Sơn Ngọc L, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thúy A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh L tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, anh L thường chửi bới, đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm,

không thể hàn gắn nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Chị A trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Sơn Ngọc K, giới tính nam, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 và Sơn Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2003; cháu K nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T sống với chị A từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị A xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Sơn Ngọc L để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật về xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định. Về nội dung vụ án xét thấy chị A và anh L sống với nhau từ năm 1999, không đăng ký kết hôn vợ chồng có 02 người con chung là Sơn Ngọc K, giới tính nam, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 và Sơn Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2003. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung Cháu K nay đã trưởng thành, chị A yêu cầu nuôi con chung là cháu T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, chị A và anh L kết hôn năm 1999, không đăng ký kết hôn, nên vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình để giải quyết hôn nhân của anh, chị. Chị A và anh L không đăng ký kết hôn thì không làm

phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó luật không công nhận chị A và anh L là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Sơn Ngọc K đã trưởng thành còn cháu Sơn Ngọc T, đang sống với chị A, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi ly thân đến nay thì cháu T sống với chị A, điều kiện nuôi con cũng đảm bảo và cháu T cũng có nguyện vọng sống chung với chị A. Do đó, căn cứ quy định Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Từ những phân tích và nhận định như trên đề nghị HĐXX không công nhận chị Phạm Thúy A và anh Sơn Ngọc L là vợ chồng; về con chung giao cháu Sơn Ngọc T, sinh ngày 28/9/2003 cho chị A nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bị đơn anh Sơn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[1.2] Nguyên đơn chị A yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Sơn Ngọc L có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị A và anh L bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1999, anh, chị chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị xảy ra mâu thuẫn nên chị A xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn

cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh L.

[2.2] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị A và theo giấy khai sinh, sổ Hộ khẩu gia đình có cơ sở xác định trong thời gian chung sống anh L và chị A có 02 người con chung tên Sơn Ngọc K, giới tính nam, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 và Sơn Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2003, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T hiện đang sống chung với chị A, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị A là người trực tiếp nuôi cháu T cuộc sống của cháu được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên chị A đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử giao cháu Sơn Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 28/9/2003 cho chị Phạm Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu. Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung. Chị A không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị A chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thúy A và anh Sơn Ngọc L.

2 - Về con chung: Cháu K đã trưởng thành không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giao cháu Sơn Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2003 cho chị Phạm Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu (*Trừ trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3 - Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị A xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

4 - Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phạm Thúy A chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002274 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Nguyên đơn chị A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2019). Bị đơn anh Sơn Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**